

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, các Điều 146, 147, 155, 157, 158, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 23/7/2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 342/2026/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần L (L1)**; Trụ sở: Toà nhà LPBank Tower, Số B T, phường H, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T – chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Q – chuyên viên xử lý nợ.

Bị đơn: Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1971, Địa chỉ: E S, xã Đ, tỉnh L và Bà **Trần Thị Thu T2**, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số C N, tổ B, xã Đ, tỉnh L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần L số tiền 3.725.629.733 đồng (*ba tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng*).

Ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 còn phải chịu lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ và các thỏa thuận khác giữa ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 với Ngân hàng TMCP L theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD6802025039 ngày 27/3/2025; Hợp đồng hạn mức tín dụng số HDTD6802025040 ngày 27/3/2025; Giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 6802025040/1 ngày 27/3/2025 (số tiền 500.000.000đ); Giấy đề nghị giải ngân

kiêm kê ước nhận nợ số 6802025039/02 ngày 25/9/2025 (số tiền 3.000.000.000đ) kể từ ngày 23/7/2026 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HĐTC6802025066 ngày 27/03/2025 đã được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng: 2271; Quyền số 01/ TP/CC-SCC/HĐGD đối với quyền sử dụng đất thửa 117 tờ bản đồ số 48 xã P, huyện Đ, tỉnh L; nay là xã Đ, tỉnh L mà ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần L.

Trường hợp ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 không trả được nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

Trường hợp số tiền phát mãi tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết khoản nợ tại Ngân hàng Thương mại cổ phần L thì ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L.

2.2. Về án phí: Ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 53.256.297đ (Năm mươi ba triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng). Ngân hàng TMCP L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.783.614đ (Năm mươi một triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười bốn đồng) theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 0009744 ngày 25/5/2026 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

2.3. Về chi phí tố tụng: ông Lê Văn T1 và bà Trần Thị Thu T2 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP L số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật Thi hành án Dân sự năm 2025.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2 - Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Phúc